TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2020
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Huỳnh Văn Năm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 20209 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị C, sinh năm 1988; cư trú tại ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Quách Văn G, sinh năm 1984; cư trú tại ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị C trình bày: Chị và anh Quách Văn G tự nguyện kết hôn vào năm 2009, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, vợ chồng không còn yêu thương dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và

tự sống riêng với nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh G.

Về con chung của chị và anh G gồm có một người tên Quách Thị Yến N, sinh ngày 20/5/2011 đang ở cùng anh G, sau khi ly hôn chị thống nhất giao con cho anh G nuôi.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến anh Quách Văn G: Anh và chị Trịnh Thị C tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo như chị C trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng sinh hoạt bình thường, đến tháng 7/2019 chị C đi làm công nhân nhưng không chịu về nhà từ đó bỏ mặc gia đình không lo lắng gì kể cả không về thăm con. Xét thấy, cuộc sống không đảm bảo hạnh phúc nên anh chấp nhận ly hôn cùng chị C.

Về phần con chung của anh và chị C có một người như chị Còn trình bày, sau khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cấu cấp dưỡng.

Về phần tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Quách Thị Yến N là con chung của anh G và chị C có nguyện vọng ở cùng anh G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Vụ án được Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn với anh G, giao con cho anh G nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng, về tài sản không xem xét giải quyết, buộc chị C chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Trịnh Thị C được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Trịnh Thị C và anh Quách Văn G đều có yêu cầu vắng mặt khi giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh G.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh G được xác lập vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa và không tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và tự sống riêng với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người sống một nơi không ai lo lắng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau trong những lúc khó khăn, thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa diệu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phía chị C và anh G đều thống nhất ly hôn nên chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh G là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, chị C và anh G có một người con chung hiện đang ở cùng anh G và vẫn phát triển bình thường, sau khi ly hôn chị C thống nhất để anh G nuôi con và để không làm xáo trộn môi trường sống, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho anh G nuôi theo nguyện vọng của con là phù hợp. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Chị C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; phần tạm ứng án phí chị C đã nộp được khấu trừ.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trịnh Thị C ly hôn với anh Quách Văn G.

Về nuôi con chung: Anh Quách Văn G được quyền nuôi con tên Quách Thị Yến N, sinh ngày 20/5/2011 đang ở cùng anh G. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Chị C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh G.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên chị C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và anh G có quyền yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Trịnh Thị C phải chịu 300.000 đồng, chị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số

0003176 ngày 30/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã K, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải